

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:       - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
                  - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Dệt May Huế thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên soát xét năm 2025 như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dệt May Huế

- Mã chứng khoán: HDM
- Địa chỉ: Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thanh Thủy, Huế, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0234.3.864.337      Fax:
- Email: contact@huegatex.com.vn      Website: huegatex.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên soát xét năm 2025:

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC bán niên năm 2025 được soát xét):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC bán niên năm 2025 được soát xét):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/8/2025 tại đường dẫn: <https://huegatex.com.vn/vi/co-dong>.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu Văn thư.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC bán niên;
- Văn bản giải trình số 971/CV-DMH ngày 14/08/2025 V/v giải trình về việc biến động LNST 6T/2025 so với cùng kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hồng Liên**



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2025





**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

<b>Đăng ký Doanh nghiệp số</b>	3103000140	ngày 17 tháng 11 năm 2005
	3300100628 (thay đổi lần thứ 1)	ngày 21 tháng 5 năm 2012
	3300100628 (thay đổi lần thứ 2)	ngày 10 tháng 11 năm 2016
	3300100628 (thay đổi lần thứ 3)	ngày 17 tháng 2 năm 2017
	3300100628 (thay đổi lần thứ 4)	ngày 9 tháng 4 năm 2018
	3300100628 (thay đổi lần thứ 5)	ngày 30 tháng 12 năm 2021
	3300100628 (thay đổi lần thứ 6)	ngày 22 tháng 7 năm 2022
	3300100628 (thay đổi lần thứ 7)	ngày 29 tháng 6 năm 2023
	3300100628 (thay đổi lần thứ 8)	ngày 31 tháng 12 năm 2024
	3300100628 (thay đổi lần thứ 9)	ngày 4 tháng 1 năm 2025
	3300100628 (thay đổi lần thứ 10)	ngày 1 tháng 7 năm 2025

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3300100628 ngày 1 tháng 7 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Huế cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Trị	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Liên	Thành viên
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên
Bà Trần Thị Thuần	Thành viên (từ ngày 25/4/2025)
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên (đến ngày 25/4/2025)

**Ban Điều hành**

Bà Nguyễn Hồng Liên	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2025)
Ông Nguyễn Văn Phong	Tổng Giám đốc (đến ngày 31/12/2024)
Ông Lê Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Tư	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/4/2025)
Bà Trần Thị Thuần	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/4/2025)
Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Khánh Chi	Kế toán trưởng

**Ban Kiểm soát**

Bà Phan Nữ Quỳnh Anh	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên
Ông Hồ Nam Phong	Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thanh Thủy  
Thành phố Huế, Việt Nam  
(địa chỉ trước khi thay đổi địa giới hành chính:  
Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thủy Dương  
Thị xã Hương Thủy, Thành phố Huế, Việt Nam)

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Báo cáo của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Hồng Liên  
Tổng Giám đốc

Huế, ngày 14 tháng 8 năm 2025



Công ty TNHH KPMG  
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72  
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt May Huế tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-04-00045-25-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Nguyễn Thùy Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3846-2022-007-1





**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>912.737.051.989</b>	<b>820.074.737.085</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>156.108.976.265</b>	<b>54.131.609.503</b>
Tiền	111		11.108.976.265	22.131.609.503
Các khoản tương đương tiền	112		145.000.000.000	32.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12.000.000.000</b>	<b>54.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	12.000.000.000	54.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>484.740.850.918</b>	<b>420.484.052.030</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	350.201.835.847	342.713.691.965
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12	101.414.445.508	81.864.946.988
Phải thu ngắn hạn khác	136	13	39.689.580.317	2.371.064.588
Dự phòng phải thu khó đòi	137	14	(6.565.010.754)	(6.465.651.511)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>15</b>	<b>229.997.758.310</b>	<b>281.198.213.226</b>
Hàng tồn kho	141		231.023.791.366	282.835.626.731
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.026.033.056)	(1.637.413.505)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29.889.466.496</b>	<b>10.260.862.326</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.484.623.822	3.252.049.724
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.404.842.674	7.008.812.602

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>315.134.083.516</b>	<b>316.780.688.703</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>921.000.000</b>	<b>921.021.869</b>
Phải thu dài hạn khác	216		921.000.000	921.021.869
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>268.600.888.727</b>	<b>294.738.185.304</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	16	268.243.265.899	294.291.082.396
Nguyên giá	222		1.102.147.372.777	1.098.863.292.898
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(833.904.106.878)	(804.572.210.502)
Tài sản cố định vô hình	227	17	357.622.828	447.102.908
Nguyên giá	228		3.647.399.579	3.500.399.579
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.289.776.751)	(3.053.296.671)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>29.481.739.615</b>	<b>1.139.366.296</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	29.481.739.615	1.139.366.296
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10(b)</b>	<b>10.018.455.897</b>	<b>10.018.455.897</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.184.054.682	11.184.054.682
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.165.598.785)	(1.165.598.785)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.111.999.277</b>	<b>9.963.659.337</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	19	5.499.331.973	7.372.269.724
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	612.667.304	2.591.389.613
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.227.871.135.505</b>	<b>1.136.855.425.788</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>743.915.914.657</b>	<b>723.521.721.545</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>664.074.956.676</b>	<b>642.644.197.776</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	122.484.255.246	59.544.642.236
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.327.062.187	843.395.771
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	21.480.895.021	15.250.355.454
Phải trả người lao động	314		134.313.718.480	130.995.787.288
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.304.564.526	2.475.187.994
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	4.267.569.757	41.792.117.252
Vay ngắn hạn	320	24(a)	321.512.016.758	351.451.313.141
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	50.384.874.701	40.291.398.640
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>79.840.957.981</b>	<b>80.877.523.769</b>
Vay dài hạn	338	24(b)	79.840.957.981	80.877.523.769
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>483.955.220.848</b>	<b>413.333.704.243</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>483.955.220.848</b>	<b>413.333.704.243</b>
Vốn cổ phần	411	27	200.962.590.000	200.962.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.962.590.000	200.962.590.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	147.478.956.722	127.478.956.722
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		135.513.674.126	84.892.157.521
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		50.777.581.460	35.777.869.876
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		84.736.092.666	49.114.287.645
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.227.871.135.505</b>	<b>1.136.855.425.788</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Thân Thị Kim Phụng  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Khánh Chi  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Liên  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	1.103.139.568.073	940.807.615.902
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	5.239.400	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>30</b>	<b>1.103.134.328.673</b>	<b>940.807.615.902</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	942.841.829.683	824.517.993.446
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>160.292.498.990</b>	<b>116.289.622.456</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	23.720.042.190	26.324.822.150
Chi phí tài chính	22	33	14.529.349.495	17.324.135.395
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.596.782.601	8.693.811.706
Chi phí bán hàng	25	34	33.640.952.240	30.294.265.560
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	33.282.812.064	30.749.180.921
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>102.559.427.381</b>	<b>64.246.862.730</b>
Thu nhập khác	31	36	5.634.444.666	2.789.361.598
Chi phí khác	32		2.655.472.195	2.179.496.133
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.978.972.471</b>	<b>609.865.465</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>105.538.399.852</b>	<b>64.856.728.195</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	18.823.584.877	11.903.875.620
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	1.978.722.309	959.572.536
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>84.736.092.666</b>	<b>51.993.280.039</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>			<b>Đã điều chỉnh lại</b>	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	3.644	2.236

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Thân Thị Kim Phụng  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Khánh Chi  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Liên  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		105.538.399.852	64.856.728.195
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		30.528.021.911	32.414.014.847
Các khoản dự phòng	03		(512.021.206)	(3.409.998.412)
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		283.955.077	(773.232.018)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.899.300.283)	(3.775.665.523)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(290.286.196)	(410.218.182)
Chi phí lãi vay	06		7.596.782.601	8.693.811.706
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		138.245.551.756	97.595.440.613
Biến động các khoản phải thu	09		(70.410.282.083)	144.030.381.167
Biến động hàng tồn kho	10		51.811.835.365	(39.362.763.387)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		74.745.400.270	16.532.563.725
Biến động chi phí trả trước	12		1.640.363.653	6.524.275.084
			196.032.868.961	225.319.897.202
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.449.747.692)	(8.463.978.787)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.065.619.953)	(16.767.278.986)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.380.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.021.100.000)	(3.593.745.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		171.496.401.316	196.496.274.229

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(43.138.958.727)	(41.424.866.089)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định			290.286.196	410.218.182
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		42.000.000.000	45.000.000.000
Thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		4.665.642.743	4.096.370.836
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.816.970.212	8.081.722.929
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		651.727.311.992	610.879.528.732
Tiền trả nợ gốc vay	34		(685.420.308.502)	(726.390.432.036)
Tiền trả cổ tức	36		(39.644.828.930)	(60.222.425.485)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(73.337.825.440)	(175.733.328.789)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		101.975.546.088	28.844.668.369
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		54.131.609.503	90.010.006.657
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.820.674	3.138.644
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	156.108.976.265	118.857.813.670

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Thân Thị Kim Phụng  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Khánh Chi  
Kế toán trưởngNguyễn Hồng Liên  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi;
- Nhuộm và hoàn tất vải sợi;
- Sản xuất các mặt hàng và sản phẩm dệt may; và
- Kinh doanh các mặt hàng và sản phẩm dệt may.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 4.367 nhân viên (1/1/2025: 4.249 nhân viên).

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	2 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa được gia công xong và phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho bên giao gia công. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được lập theo vùng địa lý dựa trên vị trí của khách hàng do địa điểm sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ – Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Châu Á
- Châu Âu
- Việt Nam
- Các vùng khác

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Các vùng khác		Tổng cộng	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Tổng doanh thu của bộ phận	931.945.174.113	729.703.659.429	40.135.309.114	62.100.225.231	131.053.845.446	98.729.675.369	-	50.274.055.873	1.103.134.328.673	940.807.615.902
Kết quả kinh doanh của bộ phận	136.807.015.468	98.585.766.216	5.685.371.255	4.774.779.325	17.800.112.267	3.941.672.154	-	8.987.404.761	160.292.498.990	116.289.622.456
Thu nhập không phân bổ									23.720.042.190	26.324.822.150
Chi phí không phân bổ									(81.453.113.799)	(78.367.581.876)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									102.559.427.381	64.246.862.730
Thu nhập khác									5.634.444.666	2.789.361.598
Chi phí khác									(2.655.472.195)	(2.179.496.133)
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(20.802.307.186)	(12.863.448.156)
Lợi nhuận thuần sau thuế									84.736.092.666	51.993.280.039







**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	231.571.704	292.925.060
Tiền gửi ngân hàng	10.877.404.561	21.838.684.443
Các khoản tương đương tiền	145.000.000.000	32.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	156.108.976.265	54.131.609.503

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 1,9% đến 4,5% (1/1/2025: từ 1,9% đến 3,5%).

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất năm từ 2,9% đến 4,2% (1/1/2025: từ 2,9% đến 4,4%).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các tài sản tài chính này.

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị	Địa chỉ	%	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	30/6/2025 và 1/1/2025		
					Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Thành phố Huế, Việt Nam	5,00	5,00	5,00	7.495.524.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung	Nha Trang, Việt Nam	7,12	7,12	7,12	650.000.000	(384.228.587)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát	Thành phố Huế, Việt Nam	6,45	6,45	6,45	1.500.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex	Hưng Yên, Việt Nam	2,65	2,65	2,65	1.008.000.000	(781.370.198)	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Việt	Thành phố Huế, Việt Nam	0,44	0,44	0,44	191.150.682	-	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam	Thành phố Huế, Việt Nam	0,70	0,70	0,70	248.770.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Mai	Thành phố Huế, Việt Nam	0,24	0,24	0,24	90.610.000	-	(*)
					11.184.054.682	(1.165.598.785)	

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số cổ phiếu nhận bằng cổ tức mà Công ty không ghi nhận doanh thu tài chính và chỉ theo dõi số lượng bao gồm:

	<b>30/6/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	235.903	235.903
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát	624.144	624.144
Công ty của Cổ phần Sợi Phú Việt	11.914	11.914
Công ty Cổ phần Sợi Phú Mai	4.367	4.367
Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam	7.358	7.358

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## **11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

### **(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Aurora Investments Global	199.468.238.786	231.128.897.052
Kam Hing Piece Works Ltd.	37.984.184.280	-
Fujian Fynex Textile Science & Technology Co.,Ltd.	15.975.102.049	14.345.075.172
Công ty TNHH Fashion Garments 2	13.085.212.897	12.649.037.959
Singtex Pte., Ltd	7.329.518.723	12.361.155.203
Kam Hing Textile Macao Commercial Offshore Co., Ltd	-	15.346.810.875
Xiamen Fengzhu Trading Co.,Ltd	-	5.056.389.525
Các khách hàng khác	76.359.579.112	51.826.326.179
	<b>350.201.835.847</b>	<b>342.713.691.965</b>



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>30/6/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	16.431.999	300.640.405
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân	46.485.778	12.661.994
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	11.322.820	7.644.535
Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex	19.748.400	63.555.840
	<b>93.988.997</b>	<b>384.502.774</b>

Các khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và thu được khi có yêu cầu.

**12. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

**Trả trước cho người bán ngắn hạn chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>30/6/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Hiệp Thành	18.184.676.335	28.054.182.780
Olam Global Agri Pte Ltd.,	19.906.562.496	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Xây dựng An Thịnh Phát	16.879.845.588	18.714.000.000
Viterra B.V.	16.563.240.870	-
Devcot S.A.S	-	10.968.370.834
Allenberg Cotton Co.	-	6.973.790.052
Các nhà cung cấp khác	29.880.120.219	17.154.603.322
	<b>101.414.445.508</b>	<b>81.864.946.988</b>

**13. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ tại ngân hàng (*)	36.712.222.234	-
Lãi tiền gửi	919.572.607	685.915.067
Lãi phạt chậm thanh toán	404.531.282	404.531.282
Phải thu khác	1.653.254.194	1.280.618.239
	<b>39.689.580.317</b>	<b>2.371.064.588</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, khoản ký quỹ này là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24).

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Nợ quá hạn**

	30/6/2025				1/1/2025	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ						
Xuất nhập khẩu Hưng Thành Đạt	Trên 3 năm	2.824.257.828	(2.824.257.828)	-	2.824.257.828	(2.824.257.828)
Ông Bùi Thế Quân	Trên 3 năm	2.611.296.014	(2.611.296.014)	-	2.541.936.609	(2.541.936.609)
Ông Nguyễn Trọng Bùi	Trên 3 năm	726.242.180	(726.242.180)	-	706.952.247	(706.952.247)
Taijiuh Garment Co., Ltd.	Trên 3 năm	403.214.732	(403.214.732)	-	392.504.827	(392.504.827)
		<u>6.565.010.754</u>	<u>(6.565.010.754)</u>	<u>-</u>	<u>6.465.651.511</u>	<u>(6.465.651.511)</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi						<u>(6.465.651.511)</u>



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2025</b>		<b>1/1/2025</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	18.392.145.033	-	1.454.457.493	-
Nguyên vật liệu	127.909.727.479	(971.606.063)	144.224.348.628	(1.582.986.512)
Công cụ và dụng cụ	500.468.955	-	39.741.704	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	50.326.980.701	-	73.560.865.176	-
Thành phẩm	19.775.126.719	(54.426.993)	28.951.671.934	(54.426.993)
Hàng gửi đi bán	14.119.342.479	-	34.604.541.796	-
	<b>231.023.791.366</b>	<b>(1.026.033.056)</b>	<b>282.835.626.731</b>	<b>(1.637.413.505)</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 160.000 triệu VND (1/1/2025: 160.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24).



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	293.176.682.134	760.237.275.266	25.652.607.751	10.328.498.637	9.468.229.110	1.098.863.292.898
Tăng trong kỳ	-	719.462.778	-	34.131.829	-	753.594.607
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.454.039.600	-	36.091.127	-	3.490.130.727
Thanh lý	-	-	(959.645.455)	-	-	(959.645.455)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	293.176.682.134	764.410.777.644	24.692.962.296	10.398.721.593	9.468.229.110	1.102.147.372.777
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	188.385.744.923	583.385.375.880	19.037.348.026	9.347.637.167	4.416.104.506	804.572.210.502
Khấu hao trong kỳ	8.244.413.884	20.102.774.242	807.616.627	286.067.340	850.669.738	30.291.541.831
Thanh lý	-	-	(959.645.455)	-	-	(959.645.455)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	196.630.158.807	603.488.150.122	18.885.319.198	9.633.704.507	5.266.774.244	833.904.106.878
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	104.790.937.211	176.851.899.386	6.615.259.725	980.861.470	5.052.124.604	294.291.082.396
Số dư cuối kỳ	96.546.523.327	160.922.627.522	5.807.643.098	765.017.086	4.201.454.866	268.243.265.899

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 605.525 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 582.145 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 103.249 triệu VND (1/1/2025: 120.558 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24).

042-Q  
 G TY  
 ỆM HỮU  
 MG  
 ỆM - T

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	3.500.399.579
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	147.000.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.647.399.579
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	3.053.296.671
Khấu hao trong kỳ	236.480.080
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.289.776.751
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	447.102.908
Số dư cuối kỳ	357.622.828
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 2.417 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 2.381 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.139.366.296	509.565.865
Tăng trong kỳ	31.979.504.046	32.250.774.194
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.490.130.727)	(5.181.271.117)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(147.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	29.481.739.615	27.579.068.942

Tại thời điểm báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm nhà máy may, máy móc, thiết bị đang trong quá trình lắp đặt.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Nhà máy may 3 tầng	27.127.956.401	835.453.990
Đầu tư bổ sung thiết bị sợi	1.823.765.000	18.321.195.030
Đầu tư hệ thống lò hơi, lò dầu tải nhiệt	-	7.333.656.650
Các công trình khác	530.018.214	1.088.763.272
	29.481.739.615	27.579.068.942

**19. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	7.372.269.724
Tăng trong kỳ	1.031.080.300
Phân bổ trong kỳ	(2.904.018.051)
Số dư cuối kỳ	5.499.331.973



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
Doanh thu bán hàng	20%	612.667.304	2.591.389.613

**21. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
Premier Exim (HK) Limited	43.314.997.241	1.249.185.069
Rosy Blossom Limited	11.477.905.175	294.756.081
Công ty TNHH In Hoa Ruijia Việt Nam	7.343.147.003	6.253.704.917
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dũng Hùng	2.501.322.768	29.824.200
Yau Kuen Industrial Co., Ltd.	-	6.485.055.874
Các nhà cung cấp khác	57.846.883.059	45.232.116.095
	<b>122.484.255.246</b>	<b>59.544.642.236</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, công ty không có khoản phải trả người bán nào bị quá hạn chưa thanh toán.

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.107.151.086	23.390.779.154	(21.994.909.018)	2.503.021.222
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.668.109.194	(1.668.109.194)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.065.619.953	18.823.584.877	(13.065.619.953)	18.823.584.877
Thuế thu nhập cá nhân	1.076.649.055	3.326.612.589	(4.249.762.482)	153.499.162
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	226.579.216	(226.579.216)	-
Các loại thuế và phí khác	935.360	140.854.103	(140.999.703)	789.760
	15.250.355.454	47.576.519.133	(41.345.979.566)	21.480.895.021

**23. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Kinh phí công đoàn	1.179.064.129	527.259.821
Lãi vay ngân hàng	996.944.845	849.909.936
Cổ tức phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	-	24.460.244.000
Cổ tức phải trả - Bên thứ 3	151.409.442	15.335.994.372
Các khoản phải trả khác	1.940.151.341	618.709.123
	4.267.569.757	41.792.117.252

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2025	Biến động trong kỳ		30/6/2025
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND
Vay ngắn hạn	319.738.723.362	651.727.311.992	(670.187.931.733)	959.277.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24(b))	31.712.589.779	2.766.217.410	(15.232.376.769)	28.205.717
	351.451.313.141	654.493.529.402	(685.420.308.502)	987.482.717
				302.237.380.621
				19.274.636.137
				321.512.016.758

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2,3% - 3,8%	121.241.846.114	17.473.758.430
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	3,2% - 3,3%	91.459.824.581	118.346.475.361
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	3,2% - 3,3%	46.169.552.164	23.659.234.622
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	3,6% - 4,2%	43.366.157.762	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	3,4% - 3,7%	-	105.413.892.666
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	3,5% - 3,8%	-	54.845.362.283
			302.237.380.621	319.738.723.362



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay dài hạn**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Vay dài hạn	99.115.594.118	112.590.113.548
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24(a))	(19.274.636.137)	(31.712.589.779)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	79.840.957.981	80.877.523.769

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	7,2% - 9,7%	2026	4.959.079.870	7.959.079.870
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (*)	VND	4,5% – 5,8%	2025	11.600.000.000	23.200.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (**)	USD	SOFR 6 tháng + 0,7%	2039	82.556.514.248	81.431.033.678
				99.115.594.118	112.590.113.548

(\*) Khoản vay này không được đảm bảo.

(\*\*) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”), trị giá 3.139.030,96 USD tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (1/1/2025: 3.186.999,87 USD) và có hạn mức 3.642.948 USD.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số khoản tiền gửi có kỳ hạn được ký quỹ tại ngân hàng (Thuyết minh 13), một số hàng tồn kho (Thuyết minh 15) và tài sản cố định của Công ty (Thuyết minh 16).

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	40.291.398.640	33.160.226.495
Trích lập trong kỳ	14.114.576.061	10.754.092.145
Tăng khác	-	1.380.000
Sử dụng trong kỳ	(4.021.100.000)	(3.593.745.200)
Số dư cuối kỳ	50.384.874.701	40.321.953.440

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	200.962.590.000	107.478.956.722	66.531.962.021	374.973.508.743
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	51.993.280.039	51.993.280.039
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 28)	-	-	(10.754.092.145)	(10.754.092.145)
Cổ tức bằng tiền	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
	-	-	(20.096.259.000)	(20.096.259.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>	<b>200.962.590.000</b>	<b>127.478.956.722</b>	<b>67.674.890.915</b>	<b>396.116.437.637</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025</b>	<b>200.962.590.000</b>	<b>127.478.956.722</b>	<b>84.892.157.521</b>	<b>413.333.704.243</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	84.736.092.666	84.736.092.666
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	(14.114.576.061)	(14.114.576.061)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 28)	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025</b>	<b>200.962.590.000</b>	<b>147.478.956.722</b>	<b>135.513.674.126</b>	<b>483.955.220.848</b>





**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	20.096.259	200.962.590.000	20.096.259	200.962.590.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000	20.096.259	200.962.590.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000	20.096.259	200.962.590.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	30/6/2025 và 1/1/2025		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	12.230.122	60,86	122.301.220.000
Công ty TNHH Tường Long	1.710.635	8,51	17.106.350.000
Các cổ đông khác	6.155.502	30,63	61.555.020.000
	20.096.259	100,00	200.962.590.000

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Tại cuộc họp ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập quỹ đầu tư phát triển 20.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: 20.000 triệu VND). Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

**29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	352.181	9.135.471.090	622.945	15.752.796.990
EUR	-	-	4	114.377
		<u>9.135.471.090</u>		<u>15.752.911.367</u>

**(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	30/6/2025 Sản phẩm	1/1/2025 Sản phẩm
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ	5.006	6.027
	<u>5.006</u>	<u>6.027</u>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	190.318.321.530	135.210.412.798
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	180.506.397.167	182.277.772.248
	<u>370.824.718.697</u>	<u>317.488.185.046</u>

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán thành phẩm	1.083.888.155.009	923.985.591.901
▪ Doanh thu bán hàng hóa và phế liệu	19.214.482.692	16.789.308.002
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	36.930.372	32.715.999
	<hr/>	<hr/>
	1.103.139.568.073	940.807.615.902
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(5.239.400)	-
	<hr/>	<hr/>
	1.103.134.328.673	940.807.615.902
	<hr/>	<hr/>

**31. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thành phẩm	927.117.783.371	812.408.631.569
Hàng hoá và phế liệu đã bán	16.387.500.838	15.688.516.156
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(663.454.526)	(3.579.154.279)
	<hr/>	<hr/>
	942.841.829.683	824.517.993.446
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.802.724.283	1.840.305.523
Cổ tức	3.096.576.000	1.935.360.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.820.741.907	21.775.924.609
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	773.232.018
	<hr/>	<hr/>
	23.720.042.190	26.324.822.150

**33. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.596.782.601	8.693.811.706
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.648.611.817	8.630.323.689
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	283.955.077	-
	<hr/>	<hr/>
	14.529.349.495	17.324.135.395

**34. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Phí giám sát đơn hàng	10.081.157.503	8.009.240.204
Phí xử lý hàng ở cảng	1.447.400.546	810.367.293
Chi phí vận chuyển	16.594.063.883	15.856.607.961
Chi phí hoa hồng môi giới	3.868.127.389	4.177.595.688
Chi phí khấu hao	62.690.569	60.658.822
Chi phí bán hàng khác	1.587.512.350	1.379.795.592
	<hr/>	<hr/>
	33.640.952.240	30.294.265.560

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	16.178.174.455	14.471.337.790
Chi phí khấu hao	1.659.256.414	1.507.313.968
Chi phí vật liệu quản lý và đồ dùng văn phòng	878.284.917	553.796.991
Thuế, phí và lệ phí	3.391.832.189	3.260.834.678
Chi phí điện, nước	1.386.748.619	1.883.231.555
Chi phí ăn ca	797.046.249	823.165.996
Chi phí thuê đất	806.362.528	806.362.524
Chi phí bảo hiểm	3.085.297	8.280.000
Công cụ, dụng cụ	2.008.492.126	1.510.924.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.173.529.270	5.923.932.949
	<b>33.282.812.064</b>	<b>30.749.180.921</b>

**36. Thu nhập khác**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	290.286.196	410.218.182
Tiền điện nước thu từ các nhà thầu và các đơn vị khác	1.336.676.413	1.233.235.714
Các khoản khác	4.007.482.057	1.145.907.702
	<b>5.634.444.666</b>	<b>2.789.361.598</b>

**37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	480.428.111.071	484.865.185.032
Chi phí nhân công	294.141.579.029	248.870.208.513
Chi phí khấu hao	30.528.021.911	32.414.014.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.797.241.406	74.962.284.123
Chi phí khác	27.975.011.563	23.081.453.180

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	18.823.584.877	11.903.875.620
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	1.978.722.309	959.572.536
	<u>20.802.307.186</u>	<u>12.863.448.156</u>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	105.538.399.852	64.856.728.195
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	21.107.679.970	12.971.345.639
Chi phí không được khấu trừ thuế	313.942.416	279.174.517
Thu nhập không bị tính thuế	(619.315.200)	(387.072.000)
	<u>20.802.307.186</u>	<u>12.863.448.156</u>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo dự kiến, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong kỳ	84.736.092.666	51.993.280.039
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(11.501.621.211)	(7.057.288.030)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	73.234.471.455	44.935.992.009

(\*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được ước tính dựa trên cơ sở tỷ lệ trích quỹ khen thưởng và phúc lợi thực tế của năm 2024.

**(ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
		Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	73.234.471.455	44.935.992.009
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	20.096.259	20.096.259
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.644	2.236

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được điều chỉnh lại theo số phân bổ thực tế lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25) như sau:

	<b>Lợi nhuận thuần VND</b>	<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND</b>
Số báo cáo trước đây	46.993.280.039	20.096.259	2.338
Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.057.288.030)	-	(102)
<b>Số điều chỉnh lại</b>	<b>44.935.992.009</b>	<b>20.096.259</b>	<b>2.236</b>

**40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND</b>	<b>30/6/2024 VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Mua dịch vụ	60.000.000	95.000.000
Lãi vay ADB	2.530.147.976	2.926.240.201
Lãi vay dự án Quảng Bình	468.639.999	2.646.791.108
Thanh toán gốc vay dự án Quảng Bình	11.600.000.000	11.600.000.000
Thanh toán gốc vay ADB	604.171.052	1.098.555.777
Trả cổ tức bằng tiền	24.460.244.000	36.690.366.000
Tạm ứng cổ tức	-	12.230.122.000
<b>Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex</b>		
Bán hàng hóa	145.151.388	200.657.222
Mua dịch vụ	43.085.130	59.774.057



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	53.343.629	32.279.981
Mua hàng hóa và dịch vụ	235.249.543	24.252.269
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	143.689.070	145.732.263
Mua hàng hóa và dịch vụ	33.998.722	43.719.680
<b>Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	114.146.187	152.156.785
Mua hàng hóa và dịch vụ	45.210.199	58.531.709
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</b>		
Mua hàng hóa	3.227.356.704	-
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng</b>		
Bán hàng hóa	2.527.358.720	-
<b>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt</b>		
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>		
<b>Thù lao, lương và thưởng</b>		
Ông Nguyễn Đức Trị – Chủ tịch	705.300.000	487.800.000
Ông Nguyễn Văn Phong – Thành viên	550.967.000	42.000.000
Bà Nguyễn Hồng Liên – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Ông Lê Hồng Quân – Thành viên	42.000.000	42.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên	205.300.000	145.050.000
Bà Trần Thị Thuần – Thành viên	14.000.000	-
<b>Thành viên Ban Điều hành</b>		
<b>Lương và thưởng</b>		
Bà Nguyễn Hồng Liên – Tổng giám đốc (từ ngày 1/1/2025)	830.779.000	506.242.332
Ông Nguyễn Văn Phong – Tổng giám đốc (đến ngày 31/12/2024)	-	808.700.000
Ông Hồ Ngọc Lan – Phó Tổng giám đốc	-	552.190.910
Ông Lê Hồng Quân – Phó Tổng giám đốc	662.755.711	513.404.448
Ông Nguyễn Tiên Hậu – Phó Tổng giám đốc	669.665.912	521.886.396
Ông Đào Văn Tư – Phó Tổng giám đốc (từ ngày 15/4/2025)	589.930.801	420.274.541
Bà Trần Thị Thuần – Phó Tổng giám đốc (từ ngày 15/4/2025)	590.238.000	420.274.541
Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng – Giám đốc điều hành	566.842.366	443.149.865
Bà Nguyễn Khánh Chi – Kế toán trưởng	503.852.097	398.327.359



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>30/6/2025</b>	<b>VND</b>
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
<i>Thù lao, lương và thưởng</i>		
Bà Phan Nữ Quỳnh Anh – Trưởng ban	203.224.465	164.955.643
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên	82.000.000	50.600.000
Ông Hồ Nam Phong – Thành viên	363.414.873	244.146.846

**Giao dịch khác với người quản lý chủ chốt**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả cổ tức bằng tiền	-	435.026.000

**41. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập:

  
**Thân Thị Kim Phụng**  
*Kế toán tổng hợp*

Người duyệt:

  
**Nguyễn Khánh Chi**  
*Kế toán trưởng*



  
**Nguyễn Hồng Liên**  
*Tổng Giám đốc*